

Số: 18 /2022/TT-BKHCHN

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2022

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết một số nội dung bắt buộc thể hiện trên nhãn hàng hóa của một số nhóm hàng hóa bằng phương thức điện tử

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa và Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định chi tiết một số nội dung bắt buộc thể hiện trên nhãn hàng hóa của một số nhóm hàng hóa bằng phương thức điện tử.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết một số nội dung bắt buộc thể hiện trên nhãn hàng hóa được thể hiện bằng phương thức điện tử quy định tại điểm d khoản 1 Điều 10 Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa, cụ thể như sau:

1. Nội dung bắt buộc thể hiện trên nhãn hàng hóa được thể hiện bằng phương thức điện tử của các nhóm hàng hóa từ Mục 25 đến mục 38; Mục 40, 44, 50, 51, 52, 53 và Mục 58 đến mục 64 quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 43/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 111/2021/NĐ-CP.

2. Các nhóm hàng hóa quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 43/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 111/2021/NĐ-CP không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này và các nội dung khác không thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này không áp dụng ghi nhãn bằng phương thức điện tử theo quy định tại Thông tư này.

3. Hàng hóa là trang thiết bị y tế thực hiện ghi nhãn hàng hóa bằng phương thức điện tử thực hiện theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật do Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng cho những đối tượng sau:

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa tại Việt Nam và tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa;
2. Cơ quan nhà nước và tổ chức, cá nhân liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc thể hiện một số nội dung bắt buộc bằng phương thức điện tử

1. Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm ghi nhãn hàng hóa được lựa chọn ghi nhãn hàng hóa bằng phương thức điện tử hoặc lựa chọn ghi trên nhãn hàng hóa gắn trực tiếp trên hàng hóa hoặc bao bì thương phẩm của hàng hóa hoặc ghi trong tài liệu kèm theo của hàng hóa theo quy định tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 111/2021/NĐ-CP. Nhóm hàng hóa và nội dung thể hiện bằng phương thức điện tử thực hiện theo quy định tại Phụ lục "Một số nội dung theo tính chất của hàng hóa được thể hiện bằng phương thức điện tử" ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm ghi nhãn hàng hóa khi thể hiện nội dung ghi nhãn theo phương thức điện tử quy định tại Thông tư này bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Phương thức điện tử được thể hiện rõ đường dẫn trên nhãn hàng hóa, ví dụ: mã số mã vạch, mã QR code, trên màn hình điện tử của sản phẩm có màn hình hoặc các phương thức điện tử thông dụng khác;

b) Bảo đảm phương tiện, thiết bị và/hoặc hướng dẫn khách hàng truy cập nội dung quy định bằng phương thức điện tử của nhãn hàng hóa tại chỗ;

c) Nội dung thể hiện bằng phương thức điện tử phải tương ứng với nội dung thể hiện trên nhãn trực tiếp, không làm người đọc, xem, nghe hiểu sai lệch bản chất của hàng hóa.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương thực hiện quản lý, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về nhãn hàng hóa.

Cơ quan quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện quản lý nhà nước về nhãn hàng hóa; nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý ghi nhãn hàng hóa bằng phương thức điện tử.

2. Các bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện quản lý ghi nhãn hàng hóa bằng phương thức điện tử.

Căn cứ yêu cầu thực tiễn quản lý đối với hàng hóa thuộc lĩnh vực được phân công, các bộ, cơ quan ngang Bộ hướng dẫn ghi nhãn hàng hóa bằng phương thức điện tử sau khi thống nhất với Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và trực

tiếp thực hiện quản lý, thanh tra, kiểm tra về ghi nhãn hàng hóa bằng phương thức điện tử tại địa phương theo quy định pháp luật.

4. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh hàng hóa ghi nhãn hàng hóa bằng phương thức điện tử:

a) Thực hiện đúng quy định pháp luật về nhãn hàng hóa và quy định tại Thông tư này; tuân thủ các quy định về thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính và chịu trách nhiệm trước pháp luật về ghi nhãn hàng hóa bằng phương thức điện tử do mình sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh;

b) Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh hàng hóa ghi nhãn bằng phương thức điện tử bảo đảm có đủ công cụ, phương tiện để nội dung ghi nhãn hàng hóa bằng phương thức điện tử luôn được truy cập, đăng nhập ngay, cung cấp đầy đủ nội dung ghi nhãn hàng hóa bằng phương thức điện tử cho người tiêu dùng khi lựa chọn mua hàng hóa;

c) Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh hàng hóa có nội dung ghi nhãn bằng phương thức điện tử phải cung cấp nội dung nhãn thể hiện bằng phương thức điện tử cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra khi có yêu cầu.

Trong trường hợp vì lý do khách quan, người chịu trách nhiệm về hàng hóa không cung cấp được nội dung ghi nhãn bằng phương thức điện tử ngay khi có yêu cầu thì trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền yêu cầu phải cung cấp đầy đủ nội dung ghi nhãn thể hiện bằng phương thức điện tử. Nếu thông tin ghi nhãn điện tử không truy cập được, thì nhãn hàng hóa là đối tượng thanh tra, kiểm tra được xác định là nhãn ghi không đủ các nội dung bắt buộc theo quy định.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2023.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

1. Trong quá trình thực hiện có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Bộ Khoa học và Công nghệ để được hướng dẫn hoặc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng CP;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở KH&CN các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo VPCP;
- Lưu: VT, PC, TĐC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Lê Xuân Định



**MỘT SỐ NỘI DUNG THEO TÍNH CHẤT CỦA HÀNG
HÓA ĐƯỢC THỂ HIỆN BẰNG PHƯƠNG THỨC ĐIỆN TỬ**
(Kèm theo Thông tư số 18./2022/TT-BKHCN ngày 30.tháng 12 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

| TT | TÊN NHÓM HÓA HÀNG | NỘI DUNG BẮT BUỘC ĐƯỢC THỂ HIỆN BẰNG PHƯƠNG THỨC ĐIỆN TỬ |
|----|--|--|
| 1 | Sản phẩm dệt, may, da, giày (Mục 25) | a) Thông số kỹ thuật; b) Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản; |
| 2 | Sản phẩm nhựa, cao su (Mục 26) | a) Thành phần; b) Thông số kỹ thuật; |
| 3 | Giấy, bìa, cacton (Mục 27) | a) Tháng sản xuất; b) Thông số kỹ thuật; |
| 4 | Đồ dùng giảng dạy, đồ dùng học tập, văn phòng phẩm (Mục 28) | Thông số kỹ thuật |
| 5 | Ấn phẩm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học, giáo dục, văn học, nghệ thuật, tôn giáo (Mục 29) | Thông số kỹ thuật |
| 6 | Nhạc cụ (Mục 30) | Thông số kỹ thuật; |
| 7 | Dụng cụ thể dục thể thao, máy tập thể dục thể thao (Mục 31) | a) Năm sản xuất; b) Thành phần; c) Thông số kỹ thuật; d) Hướng dẫn sử dụng; |
| 8 | Đồ gỗ (Mục 32) | a) Thành phần; b) Thông số kỹ thuật; c) Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo |

| | | |
|----|--|---|
| | | quản; |
| 9 | Sản phẩm sành, sứ, thủy tinh (Mục 33) | a) Thành phần; b) Thông số kỹ thuật; c) Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản; |
| 10 | Hàng thủ công mỹ nghệ (Mục 34) | a) Thành phần; b) Thông số kỹ thuật; c) Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản; |
| 11 | Đồ gia dụng, thiết bị gia dụng (không dùng điện) (Mục 35) | a) Thành phần; b) Thông số kỹ thuật; c) Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản; |
| 12 | Bạc (Mục 36) | Thành phần định lượng; |
| 13 | Đá quý (Mục 37) | Thông số kỹ thuật; |
| 14 | Vàng trang sức, mỹ nghệ (Mục 38) | a) Hàm lượng; b) Khối lượng; c) Khối lượng vật gắn (nếu có); d) Mã ký hiệu sản phẩm; |
| 15 | Thiết bị bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng, điện, điện tử, sản phẩm công nghệ được tân trang, làm mới (Mục 40) | a) Năm sản xuất; b) Thông số kỹ thuật; c) Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản. |
| 16 | Dụng cụ đánh bắt thủy sản (Mục 44) | a) Thành phần; b) Thông số kỹ thuật; c) Số điện thoại (nếu có). |

| | | |
|----|---|---|
| 17 | Xe đạp (Mục 50) | a) Tên nhà sản xuất; b) Năm sản xuất; c) Thông số kỹ thuật cơ bản; |
| 18 | Phụ tùng của phương tiện giao thông (Mục 51) | a) Nhãn hiệu, tên thương mại (Commercial name), mã kiểu loại (Model code) (nếu có); b) Mã phụ tùng (part number); c) Năm sản xuất (nếu có); d) Thông số kỹ thuật (nếu có); |
| 19 | Vật liệu xây dựng và trang trí nội thất (Mục 51) | a) Thông số kỹ thuật; b) Tháng sản xuất; c) Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản; |
| 20 | Các sản phẩm từ dầu mỏ (Mục 52) | Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản. |
| 21 | Kính mắt (Mục 58) | a) Thành phần; b) Thông số kỹ thuật; c) Hướng dẫn sử dụng. |
| 22 | Đồng hồ (Mục 59) | a) Thành phần; b) Thông số kỹ thuật; c) Hướng dẫn sử dụng. |
| 23 | Bím, băng vệ sinh, khẩu trang, bông tẩy trang, bông vệ sinh tai, giấy vệ sinh (Mục 60) | Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản. |
| 24 | Bàn chải đánh răng (Mục 61) | a) Thành phần; b) Thông số kỹ thuật; c) Hướng dẫn sử dụng; d) Tháng sản xuất. |

| | | |
|----|---|--|
| 25 | Khăn ướt (Mục 62) | a) Thông số kỹ thuật; b) Hướng dẫn sử dụng; |
| 26 | Máy móc, dụng cụ làm đẹp (Mục 63) | a) Thông số kỹ thuật; b) Hướng dẫn sử dụng; c) Năm sản xuất. |
| 27 | Dụng cụ, vật liệu bao gói thực phẩm (Mục 64) | Hướng dẫn sử dụng. |
